

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



---

*Hà Nội, tháng 02 năm 2026*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6 - 20

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 kèm theo.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Hương	Chủ tịch	
Bà Trần Kim Khánh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2025
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Khương Đức Tiếp	Thành viên	
Ông Đỗ Trọng Cường	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 22/4/2025

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Đạt	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/11/2025
Ông Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2025
Ông Đặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	

#### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích Ngọc	Trưởng ban	Bỏ nhiệm từ ngày 22/4/2025
Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2025
Bà Vũ Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2025
Bà Nguyễn Thị Dịu	Thành viên	
Bà Đào Thị Cẩm	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 22/4/2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/11/2025 và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Đạt - Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực, hợp lý về tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm báo cáo. Do việc lập Báo cáo này liên quan đến nhiều thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính nên trong việc lập Báo cáo này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác của Báo cáo tài chính nói chung, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Quang Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026, trình bày từ trang 06 đến trang 20, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này không để đính kèm với Báo cáo tài chính và chỉ được Ban Tổng Giám đốc Công ty sử dụng cho mục đích báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Do đó, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 12/02/2026.



---

**Lê Quang Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
3660-2026-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

---

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
2277 -2023-112-1

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

## **BÁO CÁO**

**Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày: 31/12/2025**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.



**Lê Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng



**Tạ Thị Hồng Hà**  
Kiểm soát nội bộ



**Nguyễn Quang Đạt**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2025

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.011.500.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.199.809.009		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	13.199.809.009		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	516.504.276.880		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	22.908.950.041		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>1.577.312.844.939</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)**

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		12.155.828.811	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)**

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			-
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		1.310.000.000	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		46.650.700	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.870.822.483	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		19.549.264	
7	Tài sản ngắn hạn khác		340.181.890	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>16.743.033.148</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1	Các khoản phải thu dài hạn			-
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
2.2	Đầu tư vào công ty con			-
2.3	Đầu tư dài hạn khác			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		79.695.536.350	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			-
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.108.253.200	
2	Chi phí trả trước dài hạn		358.591.474	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác			-
<b>VI</b>	<b>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</b>			-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			<b>101.162.381.024</b>

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)**

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>D</b>	<b>Tài sản ký quỹ đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam			-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ			-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		402.450.383.690	
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>			<b>402.450.383.690</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D</b>				<b>1.056.957.047.077</b>

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			
1 Tiền mặt (VND)	0%	122.837.939.722	-
2 Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3 Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	1.774.723.727.810	-
<b>II Trái phiếu chính phủ</b>			
4 Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5 Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	3%	-	-
5.1 Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương			
<b>III Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết các tổ chức tín dụng</b>			
6 Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0%	-	20.515.187.671
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	205.151.876.712	20.515.187.671

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			226.658.650.909
7	<b>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết</b>			-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0%	29.312.003.893	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
8	<b>Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết</b>			131.538.376.350
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	294.811.940.712	44.221.791.107
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	436.582.926.214	87.316.585.243
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
 Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
<b>Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành (chỉ tiết từng trái phiếu/tổ chức phát hành):</b>		<b>965.858.747.531</b>	<b>95.120.274.559</b>
1 Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương - Tổ chức xếp hạng: FiiinRatings, XHTN ngày 10/04/2025, XHTN dài hạn B	10%	731.394.866.926	73.139.486.693
2 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Tổ chức xếp hạng: FitchRatings, XHTN ngày 14/11/2025, XHTN dài hạn BB+	10%	101.727.383.560	10.172.738.356
3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Tổ chức xếp hạng: Moody's, XHTN ngày 19/03/2025, XHTN dài hạn: Ba2	10%	103.424.493.152	10.342.449.315
4 Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP - Tổ chức xếp hạng: FiiinRatings, XHTN ngày 25/9/25, XHTN dài hạn TCPH: A-	5%	29.312.003.893	1.465.600.195
<b>V Cổ phiếu</b>			<b>20.793.527.870</b>
9 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán	10%	16.626.329.100	1.662.632.910
10 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	95.654.474.800	19.130.894.960
11 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và chưa ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		-
<b>VI Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			<b>181.240.662</b>
12 Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	1.812.406.620	181.240.662
13 Quỹ thành viên	50%		-
14 Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2025

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)****A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)		
<b>VII Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch</b>				12.338.838
15 Chứng khoán bị cảnh báo	35%	-	-	-
16 Chứng khoán bị kiểm soát	40%	-	-	-
17 Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60%	-	-	-
18 Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70%	-	-	-
19 Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	15.423.547	12.338.838	
<b>VIII Chứng khoán phái sinh</b>				
20 Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%			
21 Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%			
<b>IX Chứng khoán khác</b>				37.635.674.000
22 Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	25%	-	-	-
23 Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	100%			
24 Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%			
25 Giao dịch chênh lệch giá	2%			
26 Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80%	47.044.592.500	37.635.674.000	
27 Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành				-
28 Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				
29 Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2025

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)****A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)		
<b>IX</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>			
	<b>Mã chứng khoán</b>	<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	30%	294.811.940.712	13.266.537.332
2	Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	30%	436.582.926.214	26.194.975.573
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>			<b>345.258.132.855</b>

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

Đơn vị tính: VND

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Nội dung	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán ( <i>Thuyết minh 1</i> )	107.762.907.779
Rủi ro quá thời hạn thanh toán ( <i>Thuyết minh 2</i> )	4.041.298.544
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác ( <i>Thuyết minh 3</i> )	-
Rủi ro tăng thêm ( <i>Thuyết minh 4</i> )	16.211.960.879
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>128.016.167.202</b>

**Chi tiết:**

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Hệ số rủi ro	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	107.282.223.188	480.684.591	107.762.907.779
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>107.762.907.779</b>

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)

### B. RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính Phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8,0%

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

**B. RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP)**

**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	4.041.298.544	4.041.298.544
<b>Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>				<b>4.041.298.544</b>

**3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác**

TT	Chi tiết từng đối tượng	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):		-	-
1	- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất (chi tiết từng đối tượng)	150%	-	-
	- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10 (chi tiết từng đối tượng)	150%		
	- Các hợp đồng, giao dịch khác (chi tiết từng đối tượng)	100%		
	- Khoản tạm ứng (chi tiết từng đối tượng):			
	+ Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%		
	+ Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%		
	+ Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán.	100%		
<b>Tổng rủi ro hợp đồng, giao dịch khác</b>				<b>-</b>

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)

### B. RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP)

#### 4. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng Liên Doanh Việt - Nga	10%	6%	201.452.328.767	1.208.713.973
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	30%	6%	435.332.027.525	7.835.976.495
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	20%	6%	272.884.931.508	3.274.619.178
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội Sở Chính	20%	6%	324.387.602.771	3.892.651.233
<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>					<b>16.211.960.879</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)</b>				<b>128.016.167.202</b>

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

Đơn vị tính: VND

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

	Chỉ tiêu	Giá trị
<b>I</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2025</b>	<b>319.632.505.760</b>
	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>132.071.728.040</b>
	1. Chi phí khấu hao	4.843.922.274
	2. Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(867.500.000)
<b>II</b>	<b>5. Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	13.720.457.253
	7. Chi phí lãi vay	114.374.848.513
	8. Chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	
	9. Chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	
	10. Chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của công ty	
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)</b>	<b>187.560.777.720</b>
<b>IV</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>46.890.194.430</b>
<b>V</b>	<b>20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>50.000.000.000</b>
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>50.000.000.000</b>


**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính (VND)	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường		345.258.132.855	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán		128.016.167.202	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động		50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		523.274.300.057	
5	Vốn khả dụng		1.056.957.047.077	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)		201,99%	

  
Lê Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

  
Tạ Thị Hồng Hà  
Kiểm soát nội bộ



  
Nguyễn Quang Đạt  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026